

Số: 1266/TB-THADS

Tây Ninh, ngày 06 tháng 03 năm 2026

THÔNG BÁO

Thông báo về việc lựa chọn tổ chức thẩm định giá tài sản thi hành án dân sự

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 98 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Quyết định thi hành án số 307/QĐ-CTHA, số 314/QĐ-CTHA cùng ngày 13 tháng 3 năm 2014; số 115/QĐ-CTHADS ngày 30 tháng 12 năm 2016; số 151/QĐ-CTHADS ngày 16 tháng 3 năm 2017; số 141/QĐ-CTHADS ngày 08 tháng 03 năm 2017 cùng của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An;

Căn cứ Quyết định rút hồ sơ thi hành án số 45/QĐ-CTHA ngày 20 tháng 5 năm 2015, số 66/QĐ-CTHA ngày 21 tháng 8 năm 2015, số 05/QĐ-CTHA ngày 22 tháng 12 năm 2015; số 82/QĐ-CTHA, số 83/QĐ-CTHA cùng ngày 14 tháng 7 năm 2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An;

Căn cứ Quyết định rút hồ sơ thi hành án số 45/QĐ-CTHA ngày 20 tháng 5 năm 2015, số 66/QĐ-CTHA ngày 21 tháng 8 năm 2015, số 05/QĐ-CTHA ngày 22 tháng 12 năm 2015; số 82/QĐ-CTHA, số 83/QĐ-CTHA cùng ngày 14 tháng 7 năm 2017 của Cục THADS tỉnh Long An;

Căn cứ Quyết định cưỡng chế kê biên tài sản số 13/QĐ-CTHA ngày 29 tháng 5 năm 2014 của Chấp hành viên Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An;

Căn cứ Quyết định số 13/QĐ-CTHADS ngày 06 tháng 8 năm 2020 của Chấp hành viên Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An về việc cưỡng chế kê biên và xử lý tài sản (bổ sung);

Căn cứ Quyết định số 17/QĐ-CTHADS ngày 16 tháng 5 năm 2023 của Chấp hành viên Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An về việc sửa đổi, bổ sung quyết định về thi hành án;

Căn cứ biên bản kê biên, xử lý tài sản ngày 14/9/2023 và 15/9/2023 của Chấp hành viên Cục THADS tỉnh Long An.

Do đương sự không thỏa thuận được về giá và không thỏa thuận được việc lựa chọn tổ chức thẩm định giá.

Chấp hành viên Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh cần lựa chọn tổ chức thẩm định giá để ký hợp đồng dịch vụ thẩm định giá các tài sản đã kê biên để bảo đảm thi hành án, như sau:

Người có tài sản thẩm định giá:

Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh; địa chỉ: Số 266A, tỉnh lộ 827A, khu phố Bình Nam, phường Tân An, tỉnh Tây Ninh.

1. Tài sản thẩm định giá:



1.1 Tài sản theo biên bản kê biên lập ngày 14 và ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Chấp hành viên Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh hiện Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Sản xuất và Đầu tư Phúc Thịnh bảo quản tại kho số 320/1 ấp Bình Cang 1, xã Bình Thạnh, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An nay là xã Thủ Thừa, tỉnh Tây Ninh bảo quản theo quy định.

1.2 Hạng mục công trình xây dựng tọa lạc trên quyền sử dụng đất của Công ty TNHH Sản xuất và Đầu tư Phúc Thịnh tại địa chỉ tỉnh lộ 832, Ấp 1, xã Nhựt Chánh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An (Xưởng nhuộm của Công ty Cổ phần Dệt Long An trước đây) gồm:

+ 01 Nhà kho phế liệu: Cấp công trình 4, diện tích xây dựng 27,28 m², diện tích sàn xây dựng 27,28 m², Số tầng 1, kết cấu chủ yếu: Móng, đà BTCT, mái tole.

+ 01 Nhà để xe 02 bánh: Cấp công trình 4, diện tích xây dựng 77,50 m², diện tích sàn xây dựng 77,50 m², số tầng 1, kết cấu chủ yếu: Móng, đà BTCT, mái tole.

1.3 01 (một) trụ đơn; 01 (một) trụ ghép PI; Đường dây cáp ngầm từ trụ ghép PI đến nhà trạm; 01 (một) máy biến áp đã qua sử dụng hiệu MBA 350kVA, NSX: AICHI ELECTRIC CO,LTD; 01 (một) máy biến áp đã qua sử dụng hiệu MBA 320kVA, NSX: Cơ điện và các tài sản khác thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Dệt Long An.

(Đính kèm phụ lục 1, phụ lục 2)

2. Các yêu cầu đối với các tổ chức thẩm định giá (khi nộp hồ sơ đăng ký cung cấp dịch vụ thẩm định giá):

2.1. Là tổ chức thẩm định giá được Bộ Tài chính cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá (kèm theo Thông báo danh sách doanh nghiệp thẩm định giá đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, thẩm định viên về giá mới nhất của Bộ Tài chính đối với Công ty).

2.2. Cung cấp danh sách hợp đồng thẩm định giá đã thực hiện đối với tài sản cùng loại trong 12 tháng gần nhất (gồm các thông tin: tên, loại tài sản; tên cơ quan THA/CHV; Số - ngày tháng năm của Hợp đồng; Số - ngày tháng năm của chứng thư).

2.3. Phí dịch vụ thẩm định giá trọn gói (kèm theo thông tin công khai biểu phí dịch vụ của đơn vị).

2.4. Thời gian thực hiện, ban hành Chứng thư thẩm định giá (là khoảng thời gian từ khi ký Hợp đồng dịch vụ đến khi ban hành Chứng thư - không được ràng buộc thêm điều kiện nào khác).

3. Thời hạn nộp hồ sơ: 02 ngày làm việc liên tiếp (kể từ ngày đăng thông tin trên Trang thông tin điện tử của Thi hành án dân sự Tây Ninh về việc lựa chọn tổ chức thẩm định giá).

4. Thành phần hồ sơ: Văn bản đăng ký tham gia cung cấp dịch vụ thẩm định giá; hồ sơ năng lực (Bản chính hoặc sao y bản chính các giấy tờ tài liệu do tổ chức mình ban hành, bản sao có chứng thực các giấy tờ tài liệu khác không do tổ chức mình ban hành như: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá; dịch vụ công ty cung cấp; mô hình, quy trình thực hiện; nhân sự, giấy tờ pháp lý; dự án tiêu biểu...); danh sách tài sản cùng loại với tài sản kê biên, biểu phí thẩm định kèm theo danh mục tài liệu được đánh số thứ tự từ 01 đến hết, biên nhận hồ sơ (2 liên).

Lưu ý: Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh sẽ không hoàn trả lại hồ sơ đối với Tổ chức thẩm định giá không được lựa chọn.

5. Hình thức nộp hồ sơ: nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ (Văn thư) của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh; địa chỉ: Số 266A, tỉnh lộ 827A, khu phố Bình Nam, phường Tân An, tỉnh Tây Ninh.

Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh thông báo để các Tổ chức thẩm định giá tài sản đáp ứng đủ yêu cầu được biết và nộp hồ sơ đăng ký theo quy định./.

Nơi nhận:

- Trang thông tin điện tử THADS tỉnh Tây Ninh;
- Cổng TTĐT của Cục quản lý THADS;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh;
- Đương sự (để biết);
- Lưu: VT, HSTHA (CHV: Lê Minh Gập).

CHẤP HÀNH VIÊN



Lê Minh Gập



PHỤ LỤC 1

(Ban hành kèm theo Thông báo số 1266/THADS ngày 06/3/2026 của Chấp hành viên THADS tỉnh Tây Ninh về việc lựa chọn tổ chức thẩm định giá tài sản.

STT	Tên tài sản	Số lượng	ĐVT	Số lượng	ĐVT	Số lượng	ĐVT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
I	BÀN, GHẾ, TỦ						
1	Bàn họp dài bằng gỗ: Dài 4.8m + rộng 1.8m + cao 0.77m	1	Cái				
2	Bàn làm việc bằng gỗ: Dài 1.97m + Rộng 0.9m + Cao 0.76m	1	Cái				
3	Bàn ghế sofa bằng da+ nệm: 1 ghế dài 1.3m + rộng 0.75m + cao 0.8m; 2 cái ghế loại 1 người ngồi dài 0,7m + rộng 0.75 + cao 0.8m; 1 cái bàn có mặt kính dài 1.07m + rộng 0.6m, chân sắt dài 0.84m + rộng 0.43m, cao 0.4m	1	Bộ				
4	Ghế bằng da nệm chân kim loại: Cao 1m + rộng 0.59 m + 0.53m	12	Cái				
5	Ghế bố	1	Cái				
6	Ghế tựa bằng da nệm:Cao 1,2m + rộng 0.72m	1	Cái				

I. Tài sản gửi giữ tại kho.

7	Kệ gỗ bằng ván ép: Vuông 0.7m x 0.7m + cao 0.73m	2	Cái				
8	Tủ học bằng gỗ: Dài 0.43m + Rộng 0.43 + Cao 0.67m	1	Cái				
9	Tủ làm việc bằng gỗ: Dài 1.5m + Rộng 0.43 + Cao 0.67m	1	Cái				
10	Tủ bằng gỗ ván ép + kính: Dài 2.2m + rộng 0.55m + cao 1.9m	1	Cái				
11	Chân ghế sắt	35	Cái				
II	CHỈ SỢI						
1	Chỉ sợi	18.0	Kg	12	Cuộn	1	Bao
2	Chỉ sợi	48.0	Kg	5	Cuộn	1	Bao
3	Chỉ sợi	31.0	Kg	60	Cuộn	1	Thùng
4	Chỉ sợi	23.0	Kg	16	Cuộn	1	Thùng
5	Chỉ sợi	19.0	Kg	12	Cuộn	1	Bao
6	Chỉ sợi	33.0	Kg	12	Cuộn	1	Bao
7	Chỉ sợi	31.0	Kg	70	Cuộn	1	Bao
8	Chỉ sợi	31.0	Kg	60	Cuộn	1	Bao
9	Chỉ sợi	32.0	Kg	60	Cuộn	1	Thùng
10	Chỉ sợi	48.0	Kg	5	Cuộn	1	Bao
11	Chỉ sợi	7.0	Kg	48	Cuộn	1	Thùng
12	Chỉ sợi	31.0	Kg	60	Cuộn	1	Thùng
13	Chỉ sợi	24.0	Kg	16	Cuộn	1	Bao
14	Chỉ sợi	27.0	Kg	12	Cuộn	1	Bao
15	Chỉ sợi	20.0	Kg	12	Cuộn	1	Bao
16	Chỉ sợi	20.0	Kg	60	Cuộn	1	Bao
17	Chỉ sợi	30.0	Kg	60	Cuộn	1	Thùng
18	Chỉ sợi	8.0	Kg	48	Cuộn	1	Thùng
19	Chỉ sợi	31.0	Kg	60	Cuộn	1	Thùng
20	Chỉ sợi	16.0	Kg	16	Cuộn	1	Bao

21	Chỉ sợi	31.0	Kg	60	Cuộn	1	Thùng
22	Chỉ sợi	39.0	Kg	12	Cuộn	1	Thùng
23	Chỉ sợi	24.0	Kg	48	Cuộn	1	Thùng
24	Chỉ sợi	21.0	Kg	48	Cuộn	1	Thùng
25	Cuộn chỉ may	8.3	Kg			1	Bao
III	MÁY MÓC, THIẾT BỊ						
1	Đầu máy cắt vải KM	1	Cái				
2	Đầu máy may hiệu DCY-104 đã hư hỏng	1	Cái				
3	Đầu máy may hiệu Juki đã hư hỏng	1	Cái				
4	Đầu máy may hiệu PIRASUS đã hư hỏng	1	Cái				
5	Đầu máy may mini hiệu SCOOPEP BS-70	1	Cái				
6	Dụng cụ cắt sắt	1	Cái				
7	Bếp điện	1	Cái				
8	Loa âm thanh hiệu Guinness	2	Cái				
9	Màn hình máy vi tính 14" hiệu TOKY	1	Cái				
10	Máy có ký hiệu 616 EASA-PHONE	1	Cái				
11	Máy in hiệu HP LaserJet 1020	1	Cái				
12	Máy quạt hiệu LI FAN đã hư hỏng chỉ còn phần chân đế + thân quạt và motor	1	Cái				

13	Ổ áp điện hiệu CHUAH HSIN Model MVS-30	1	Cái				
14	Quạt máy đã hư hỏng	17.0	Kg			1	Thùng
IV	VẬT BẰNG NHỰA						
1	Bìa hồ sơ nhựa	11.6	Kg			1	Bao
2	Bao nilon (bịt mũ)	17.0	Kg			1	Bao
3	Bao nilon nhựa (Bọc nhựa)	8.8	Kg			1	Bao
4	Bịt nilon trắng	20.0	Kg			1	Thùng
5	Kim kẹp nhựa	11.5	Kg			1	Bao
6	Ba-ghếch nhựa	1	Cái				
7	Ba-ghếch nhựa	1	Cái				
8	Vật dụng bằng nhựa	9.2	Kg			1	Bao
9	Kim nhựa bấm nhấn quần áo	3.6	Kg				
10	Móc nhựa	18.0	Kg			1	Khay
11	Nút quần áo	17.2	Kg			1	Bao
12	Nút nhựa	30.0	Kg			1	Thùng
V	VẬT SÀNH SỨ						
1	Chậu cây + cây hoa giả	1	Chậu				
2	Bình sứ màu đen hoa văn hình chiếc lá	2	Cái				
VI	DÂY VẢI						
1	Dây vải	10.0	Kg			1	Bao
2	Dây vải	12.0	Kg			1	Thùng
3	Dây vải	20.7	Kg			1	Khay
4	Dây vải	23.9	Kg			1	Bao
5	Dây vải	19.0	Kg			1	Bao
6	Dây vải	20.0	Kg			1	Bao
7	Dây vải	23.0	Kg				
8	Dây vải	8.0	Kg			1	Bao
9	Dây vải	16.0	Kg			1	Bao
10	Dây vải	8.0	Kg			1	Thùng
11	Dây vải	5.0	Kg			1	Thùng
12	Dây vải	9.0	Kg			1	Thùng

					1	Thùng
					1	Thùng
13	Dây vải	10.0	Kg			
14	Dây vụn	8.0	Kg			
15	Vải dây	43.0	Kg		1	Thùng
16	Vải dây	16.0	Kg		1	Thùng
17	Vải dây	21.0	Kg		1	Thùng
18	Dây thun vải	8.0	Kg		1	Thùng
19	Dây vải	16.0	Kg		1	Thùng
20	Dây vải	13.0	Kg		1	Thùng
21	Dây vải	13.0	Kg		1	Thùng
22	Dây vải	10.0	Kg		1	Thùng
23	Dây vải	14.0	Kg		1	Thùng
24	Dây vải	6.0	Kg		1	Thùng
25	Dây vải	12.0	Kg			
VII	DÂY KÉO				1	Thùng
1	Dây kéo	24.0	Kg		1	Thùng
2	Dây kéo	18.0	Kg		1	Thùng
3	Dây kéo áo quần	17.0	Kg			
VIII	THÙNG GIẤY				20	Thùng
1	Giấy thùng carton	20.0	Kg		10	Thùng
2	Giấy thùng carton	11.5	Kg		10	Thùng
3	Giấy thùng carton	10.0	Kg		10	Thùng
4	Giấy thùng carton	14.1	Kg		10	Thùng
5	Giấy thùng carton	12.9	Kg		10	Thùng
6	Giấy thùng carton	14.8	Kg		10	Thùng
7	Giấy thùng carton	10.5	Kg		10	Thùng
8	Giấy thùng carton	13.0	Kg		10	Thùng
9	Giấy thùng carton	11.7	Kg		10	Thùng
10	Giấy thùng carton	12.6	Kg		10	Thùng
11	Giấy thùng carton	11.3	Kg		10	Thùng
12	Giấy thùng carton	10.0	Kg		10	Thùng
13	Giấy thùng carton	11.0	Kg		10	Thùng
14	Giấy thùng carton	12.0	Kg		10	Thùng
15	Giấy thùng carton	9.8	Kg		10	Thùng
16	Giấy thùng carton	10.0	Kg		10	Thùng
17	Giấy thùng carton	10.9	Kg		10	Thùng
18	Giấy thùng carton	14.0	Kg		6	Thùng
19	Giấy thùng carton	8.2	Kg		10	Thùng
20	Giấy thùng carton	11.4	Kg		10	Thùng
21	Giấy thùng carton	12.0	Kg		10	Thùng
22	Giấy thùng carton	10.7	Kg		10	Thùng
23	Giấy thùng carton	10.7	Kg			

24	Giấy thùng carton	9.7	Kg			10	Thùng
25	Giấy thùng carton	12.5	Kg			10	Thùng
26	Giấy thùng carton	11.0	Kg			10	Thùng
27	Giấy thùng carton	12.6	Kg			10	Thùng
28	Giấy thùng carton	6.5	Kg			5	Thùng
IX	GIẤY Vụn						
1	Giấy vụn	43.0	Kg				
2	Giấy vụn	29.0	Kg				
3	Giấy vụn	17.0	Kg				
4	Giấy vụn	11.9	Kg			1	Bao
5	Giấy vụn	4.1	Kg			1	Thùng
6	Giấy vụn	13.4	Kg			1	Bao
7	Giấy vụn	25.0	Kg			1	Thùng
8	Giấy vụn	15.0	Kg			1	Bao
9	Giấy vụn	8.0	Kg			1	Bao
10	Giấy vụn	12.0	Kg			1	Bao
11	Giấy + sổ mẫu thời trang	19.0	Kg			1	Thùng
12	Tập giấy	19.0	Kg			1	Thùng
13	Thùng bên trong có giấy tờ	25.0	Kg			1	Thùng
14	Thùng bên trong có giấy tờ	24.0	Kg			1	Bao
15	Giấy	13.0	Kg			1	Bao
16	Giấy	19.0	Kg			1	Bao
X	KHAY NHỰA					320	Khay
XI	PHẾ LIỆU GANG						
1	Kim loại gang	20.7	Kg			1	Khay
2	Kim loại gang	42.9	Kg			1	Khay
3	Kim loại gang	40.0	Kg			1	Khay
4	Kim loại gang	32.0	Kg			1	Khay
5	Kim loại gang	44.4	Kg			1	Khay
6	Kim loại gang	35.7	Kg			1	Khay
7	Kim loại gang	21.6	Kg			1	Khay
8	Kim loại gang	41.0	Kg			1	Khay
XII	PHẾ LIỆU SẮT						

1	Kim loại Inox + sắt	16.7	Kg			1	Thùng
2	Kim loại sắt	26.2	Kg			1	Khay
3	Kim loại sắt	78.3	Kg			1	Khay
4	Kim loại sắt	36.6	Kg			1	Khay
5	Kim loại sắt	48.4	Kg			1	Khay
6	Kim loại sắt	39.6	Kg			1	Khay
7	Kim loại sắt	54.7	Kg			1	Khay
8	Kim loại sắt	41.3	Kg			1	Khay
9	Kim loại sắt	30.7	Kg			1	Khay
10	Kim loại sắt	30.2	Kg			1	Khay
11	Kim loại sắt	25.8	Kg			1	Khay
12	Kim loại sắt	38.6	Kg			1	Khay
13	Kim loại sắt	51.7	Kg			1	Khay
14	Kim loại sắt	7.8	Kg			1	Khay
XIII	QUẦN JEAN						
1	Quần Jean	17.3	Kg			1	Bao
2	Quần Jean	15.4	Kg			1	Bao
3	Quần Jean	10.0	Kg			1	Bao
4	Quần Jean	19.0	Kg			1	Bao
5	Quần Jean	17.0	Kg			1	Bao
XIV	QUẦN KAKI						
1	Quần Kaki	24.0	Kg			1	Bao
2	Quần Kaki	10.0	Kg			1	Bao
3	Quần Kaki	31.0	Kg			1	Bao
4	Quần Kaki	40.0	Kg			1	Bao
5	Quần Kaki	50.0	Kg			1	Bao
6	Quần kaki	38.0	Kg			1	Bao
XV	ÁO + VẢI CŨ						
1	Áo	20.0	Kg			1	Bao
2	Áo + vải cũ	14.5	Kg			1	Bao
XVI	SỢI CHỈ TRONG KHAY						
1	Sợi chỉ trong khay cao: -KL Khay nhựa: 307.5Kg -KL Lõi nhôm: 718.9Kg -KL Chỉ: 638.7Kg	1,665.1	Kg	1,106	Cuộn	123	Khay

2	Sợi chỉ trong khay thấp: -KL Khay nhựa:429.3Kg -KL Lõi nhôm: 928.8Kg - KL Chỉ: 1038Kg	2,396.1	Kg	1,429	Cuộn	159	Khay
XVII	SỢI DỆT						
1	Sợi dệt	17.0	Kg	58	Cuộn	1	Thùng
2	Sợi dệt	18.0	Kg	12	Cuộn	1	Bao
3	Sợi dệt	25.0	Kg	15	Cuộn	1	Bao
4	Sợi dệt	18.0	Kg	32	Cuộn	1	Thùng
5	Sợi dệt	30.0	Kg	60	Cuộn	1	Thùng
6	Sợi dệt	9.0	Kg	48	Cuộn	1	Thùng
7	Sợi dệt	35.0	Kg	8	Cuộn	1	Thùng
8	Sợi dệt	24.0	Kg	15	Cuộn	1	Thùng
XVIII	SỢI DỆT PHÉ PHẨM						
1	Sợi dệt phế phẩm	10,285.0	Kg	5,028	Cuộn	334	Bao
2	Sợi dệt phế phẩm	3,508.6	Kg	1,231	Cuộn	121	Thùng
XIX	SỢI DỆT VẢI						
1	Sợi dệt vải	8.9	Kg	49	Cuộn	1	Thùng
2	Sợi dệt vải	14.6	Kg	32	Búp	1	Thùng
3	Sợi dệt vải	15.8	Kg	31	Búp	1	Thùng
4	Sợi dệt vải	15.8	Kg	8	Cuộn		
XX	SỢI KHÁC						
1	Sợi vải cuộn	27.7	Kg			1	Khay
2	Sợi vụn	80.2	Kg				
XXI	TEM NHÃN GIẤY						
1	Tem nhãn bằng giấy	14.6	Kg			1	Khay
2	Tem nhãn bằng giấy	27.0	Kg			1	Thùng
XXII	TEM NHÃN VẢI						
1	Tem nhãn bằng vải	10.6	Kg			1	Khay
2	Tem nhãn bằng vải	12.1	Kg			1	Bao
3	Tem nhãn bằng vải	19.6	Kg			1	Bao
4	Tem nhãn bằng	7.5	Kg			1	Bao

	vải						
5	Tem nhãn bằng vải	21.6	Kg			1	Bao
6	Tem nhãn bằng vải	28.0	Kg			1	Bao
7	Tem nhãn bằng vải	11.0	Kg			1	Thùng
8	Tem nhãn bằng vải	15.0	Kg			1	Thùng
9	Tem nhãn bằng vải	26.0	Kg			1	Thùng
10	Tem nhãn bằng vải	12.0	Kg			1	Thùng
11	Tem nhãn bằng vải	8.0	Kg			1	Thùng
12	Tem nhãn bằng vải	16.0	Kg			1	Thùng
13	Tem nhãn bằng vải	16.0	Kg			1	Thùng
14	Tem nhãn bằng vải	24.0	Kg			1	Thùng
15	Tem nhãn bằng vải	18.0	Kg			1	Thùng
16	Tem nhãn bằng vải	28.0	Kg			1	Bao
17	Tem nhãn bằng vải	33.0	Kg			1	Bao
18	Tem nhãn bằng vải	14.0	Kg			1	Thùng
19	Tem nhãn bằng vải	15.0	Kg			1	Thùng
20	Tem nhãn bằng vải	12.0	Kg			1	Thùng
XXIII	VẢI CÂY						
1	Vải cây	111.0	Kg	10	Cây		
2	Vải cây	74.4	Kg	10	Cây		
3	Vải cây	94.4	Kg	10	Cây		
4	Vải cây	101.4	Kg	10	Cây		
5	Vải cây	87.4	Kg	10	Cây		
6	Vải cây	112.5	Kg	10	Cây		
7	Vải cây	113.0	Kg	10	Cây		
8	Vải cây	119.0	Kg	10	Cây		
9	Vải cây	116.6	Kg	10	Cây		

10	Vải cây	131.3	Kg	10	Cây		
11	Vải cây	133.0	Kg	10	Cây		
12	Vải cây	102.6	Kg	10	Cây		
13	Vải cây	86.6	Kg	10	Cây		
14	Vải cây	54.0	Kg	3	Cây		
15	Vải cây	32.0	Kg	3	Cây		
16	Vải cây	36.0	Kg	3	Cây		
17	Vải cây	30.0	Kg	3	Cây		
18	Vải cây	42.5	Kg	3	Cây		
19	Vải cây	42.0	Kg	3	Cây		
20	Vải cây	29.0	Kg	3	Cây		
21	Vải cây	22.5	Kg	3	Cây		
22	Vải cây	26.0	Kg	3	Cây		
23	Vải cây	21.0	Kg	3	Cây		
24	Vải cây	16.0	Kg	3	Cây		
25	Vải cây	24.0	Kg	3	Cây		
26	Vải cây	34.0	Kg	3	Cây		
27	Vải cây	42.0	Kg	3	Cây		
28	Vải cây	50.0	Kg	2	Cây		
29	Vải cây	40.0	Kg	3	Cây		
30	Vải cây	42.0	Kg	3	Cây		
31	Vải cây	44.0	Kg	3	Cây		
32	Vải cây	12.0	Kg	3	Cây		
33	Vải cây	30.0	Kg	3	Cây		
34	Vải cây	27.0	Kg	3	Cây		
35	Vải cây	39.0	Kg	3	Cây		
36	Vải cây	34.0	Kg	1	Cây		
37	Vải cây	16.0	Kg	3	Cây		
38	Vải cây	32.0	Kg	2	Cây		
39	Vải cây	16.0	Kg	3	Cây		
40	Vải cây	24.0	Kg	3	Cây		
41	Vải cây	39.0	Kg	2	Cây		
42	Vải cây	16.0	Kg	2	Cây		
43	Vải cây	26.0	Kg	2	Cây		
44	Vải cây	23.0	Kg	1	Cây		
45	Vải cây	45.0	Kg	3	Cây	1	Bao
46	Vải cây	30.0	Kg	3	Cây	1	Bao
47	Vải cây	43.0	Kg	3	Cây	1	Thùng
48	Vải cây	34.0	Kg	3	Cây	1	Thùng
49	Vải cây	56.0	Kg	3	Cây	1	Bao
50	Vải cây	33.0	Kg	3	Cây	1	Bao

51	Vải cây	15.5	Kg	2	Cây	1	Bao
52	Vải cây	4.0	Kg	1	Cây	1	Bao
53	Vải cây	14.0	Kg	1	Cây	1	Bao
XXIV	VẢI CUỘN						
1	Vải cuộn	12.5	Kg			1	Bao
2	Vải cuộn	14.5	Kg			1	Bao
3	Vải cuộn	14.0	Kg			1	Bao
4	Vải cuộn	10.5	Kg			1	Bao
5	Vải cuộn	12.0	Kg			1	Bao
6	Vải cuộn	19.5	Kg			1	Bao
7	Vải cuộn	32.5	Kg			1	Bao
8	Vải cuộn	6.5	Kg			1	Bao
9	Vải cuộn	6.0	Kg			1	Bao
10	Vải cuộn	17.0	Kg			1	Bao
11	Vải cuộn	13.0	Kg			1	Bao
12	Vải cuộn	6.0	Kg			1	Bao
13	Vải cuộn	6.0	Kg			1	Bao
14	Vải cuộn	12.0	Kg			1	Bao
15	Vải cuộn	49.0	Kg				
16	Vải cuộn	28.0	Kg				
17	Vải cuộn	28.0	Kg				
18	Vải cuộn	30.0	Kg				
19	Vải cuộn	21.0	Kg			1	Bao
20	Vải cuộn	16.0	Kg				
21	Vải cuộn	28.0	Kg				
22	Vải cuộn	26.0	Kg				
23	Vải cuộn	34.0	Kg				
24	Vải cuộn	20.0	Kg				
25	Vải cuộn	22.0	Kg				
26	Vải cuộn	43.0	Kg				
27	Vải cuộn	38.0	Kg				
28	Vải cuộn	38.0	Kg				
29	Vải cuộn	14.0	Kg				
30	Vải cuộn	20.0	Kg				
31	Vải cuộn	22.0	Kg			1	Thùng
XXV	VẢI KHÚC						
1	Vải khúc	17.0	Kg			1	Bao
2	Vải khúc	8.0	Kg			1	Bao
3	Vải khúc	14.0	Kg			1	Bao
4	Vải khúc	24.0	Kg			1	Bao



5	Vải khúc	24.0	Kg			1	Bao
6	Vải khúc	24.5	Kg			1	Bao
7	Vải khúc	14.5	Kg			1	Bao
8	Vải khúc	36.0	Kg			1	Bao
9	Vải khúc	13.0	Kg			1	Bao
10	Vải khúc	28.0	Kg			1	Bao
11	Vải khúc	29.0	Kg			1	Bao
12	Vải khúc	19.0	Kg			1	Bao
13	Vải khúc	18.0	Kg			1	Bao
14	Vải khúc	33.0	Kg			1	Bao
15	Vải khúc	33.0	Kg			1	Bao
16	Vải khúc	17.0	Kg			1	Thùng
17	Vải khúc	36.0	Kg			1	Thùng
18	Vải khúc	27.0	Kg			1	Bao
19	Vải khúc	20.0	Kg			1	Bao
20	Vải khúc	15.0	Kg			1	Bao
21	Vải khúc	16.0	Kg			1	Bao
22	Vải khúc	31.0	Kg			1	Bao
23	Vải khúc	19.0	Kg				
24	Vải khúc	19.0	Kg				
25	Vải khúc	28.0	Kg				
26	Vải khúc	22.0	Kg				
27	Vải khúc	40.0	Kg				
28	Vải khúc	39.0	Kg				
29	Vải khúc	29.0	Kg				
30	Vải khúc	16.0	Kg				
31	Vải khúc	19.0	Kg				
32	Vải khúc	20.0	Kg				
33	Vải khúc	31.0	Kg			1	Bao
34	Vải khúc	28.0	Kg			1	Bao
35	Vải khúc	52.0	Kg			1	Khay
36	Vải khúc	26.0	Kg			1	Thùng
37	Vải khúc	23.0	Kg			1	Thùng
38	Vải khúc	28.0	Kg			1	Bao
39	Vải khúc	24.0	Kg			1	Bao
40	Vải khúc	21.0	Kg			1	Bao
41	Vải khúc	31.0	Kg			1	Bao
42	Vải khúc	26.0	Kg			1	Bao
43	Vải khúc	28.0	Kg			1	Bao
44	Vải khúc	36.0	Kg			1	Bao
45	Vải khúc	37.0	Kg			1	Thùng

46	Vải khúc	10.0	Kg			1	Thùng
47	Vải khúc	16.0	Kg			1	Thùng
48	Vải khúc	33.0	Kg			1	Bao
49	Vải khúc	23.0	Kg			1	Bao
50	Vải khúc	76.0	Kg			1	Bao
51	Vải khúc	19.0	Kg			1	Thùng
XXVI	VẢI KHÚC + VỤN						
1	Vải khúc + vải vụn	41.0	Kg			1	Bao
2	Vải khúc + vải vụn	30.0	Kg			1	Thùng
3	Vải khúc + vải vụn	28.0	Kg			1	Thùng
4	Vải khúc + vải vụn	19.0	Kg			1	Thùng
5	Vải khúc + Vải vụn	14.0	Kg			1	Bao
6	Vải khúc + Vải vụn	41.0	Kg			1	Bao
XXVII	VẢI VỤN						
1	Vải	24.1	Kg			1	Bao
2	Vải vụn	19.0	Kg			1	Bao
3	Vải vụn	34.0	Kg				
4	Vải vụn	21.0	Kg			1	Thùng
5	Vải vụn	16.1	Kg			1	Bao
6	Vải vụn	16.1	Kg			1	Bao
7	Vải vụn	18.8	Kg			1	Bao
8	Vải vụn	16.3	Kg			1	Bao
9	Vải vụn	9.1	Kg			1	Bao
10	Vải vụn	24.0	Kg			1	Bao
11	Vải vụn	18.0	Kg			1	Bao
12	Vải vụn	24.0	Kg			1	Bao
13	Vải vụn	44.0	Kg			1	Bao
14	Vải vụn	24.0	Kg			1	Bao
15	Vải vụn	10.0	Kg			1	Bao
16	Vải vụn	8.0	Kg			1	Bao
17	Vải vụn	17.0	Kg			1	Bao
18	Vải vụn	13.0	Kg			1	Bao
19	Vải vụn	10.0	Kg			1	Bao
20	Vải vụn	18.0	Kg			1	Bao
21	Vải vụn	27.0	Kg			1	Bao

22	Vải vụn	28.0	Kg			1	Bao
23	Vải vụn	11.0	Kg			1	Bao
24	Vải vụn	10.0	Kg			1	Bao
25	Vải vụn	9.0	Kg			1	Bao
26	Vải vụn	10.0	Kg			1	Bao
27	Vải vụn	30.0	Kg			1	Thùng
28	Vải vụn	15.0	Kg			1	Thùng
29	Vải vụn	14.0	Kg			1	Thùng
30	Vải vụn	24.0	Kg			1	Thùng
31	Vải vụn	18.0	Kg			1	Thùng
32	Vải vụn	26.0	Kg			1	Bao
33	Vải vụn	20.0	Kg			1	Bao
34	Vải vụn	12.0	Kg			1	Bao
35	Vải vụn	12.0	Kg			1	Bao
36	Vải vụn	15.0	Kg			1	Bao
37	Vải vụn	19.0	Kg			1	Bao
38	Vải vụn	22.0	Kg			1	Bao
39	Vải vụn	14.0	Kg			1	Bao
40	Vải vụn	11.0	Kg			1	Bao
41	Vải vụn	20.0	Kg			1	Bao
42	Vải vụn	27.0	Kg				
43	Vải vụn	19.0	Kg				
44	Vải vụn	40.0	Kg				
45	Vải vụn	19.0	Kg				
46	Vải vụn	32.0	Kg				
47	Vải vụn	16.0	Kg				
48	Vải vụn	26.0	Kg				
49	Vải vụn	17.0	Kg				
50	Vải vụn	63.0	Kg			1	Bao
51	Vải vụn	17.0	Kg			1	Bao
52	Vải vụn	24.0	Kg			1	Bao
53	Vải vụn	28.0	Kg			1	Thùng
54	Vải vụn	21.0	Kg			1	Thùng
55	Vải vụn	10.0	Kg			1	Thùng
56	Vải vụn	55.0	Kg			1	Bao
57	Vải vụn	18.0	Kg			1	Thùng
58	Vải vụn	22.0	Kg			1	Bao
59	Vải vụn	10.0	Kg			1	Thùng
60	Vải vụn	17.0	Kg			1	Thùng
61	Vải vụn	9.0	Kg			1	Thùng
62	Vải vụn	8.0	Kg			1	Thùng

63	Vải vụn	17.0	Kg			1	Bao
64	Vải vụn	17.0	Kg			1	Thùng
65	Vải vụn	12.0	Kg			1	Bao
66	Vải vụn	13.0	Kg			1	Thùng
67	Vải vụn + Quần Jean cũ	22.0	Kg			1	Bao
XXVIII	VẢI KHÁC						
1	Vải rèm cửa	6.0	Kg			1	Bao
2	Vải sợi	11.0	Kg			1	Thùng
3	Vải viền	23.0	Kg				
4	Vải khúc + quần Jean	25.0	Kg			1	Bao
5	Quần + Vải	27.0	Kg			1	Bao
6	Quần Jean + thun	32.0	Kg			1	Bao
7	Quần Jean + thun	21.0	Kg			1	Bao
8	Quần thun ngắn	12.0	Kg			1	Bao
XXIX	TÀI SẢN KHÁC (1)						
1	Dây curoa + vải vụn					1	Thùng
2	Dây điện + dây curoa	4.0	Kg			1	Khay
3	Giá treo quần áo bằng inox	1	Cái				
4	Kệ đựng báo Inox	1	Cái				
5	Lõi ống chỉ	8.0	Kg			1	Thùng
6	Ống chỉ	5.5	Kg			1	Khay
7	Chân đế bằng sắt	1	Cái				
8	Khung in và kính	29.8	Kg			1	Khay
9	Khung sắt có gắn bánh xe	1	Cái				
10	Khung sắt có gắn bánh xe	1	Cái				
12	Bình chữa cháy	1	Bình				
XXX	TÀI SẢN KHÁC (2)						
	Bàn dài chân bằng gỗ gõ đỏ, mặt bàn gỗ đỏ, 1 bằng ván ép, ngang 0,92m, dài 2m, cao 0,76m	2	Bộ				

2	Bàn ghế bằng gỗ sơn màu vàng, mặt bàn bằng kính 0,85m x 1,38m x 0,76m; 06 cái ghế có mặt 0,43m x cao 1m	1	Bộ				
3	Bàn ghế salon (trường kỷ) bằng gỗ gỗ đỏ gồm 01 ghế dài 0,73m x 1,82m, cao 0,86m; 01 bàn làm bằng gỗ, có mặt bằng kính ngang 0,49m, dài 1m, cao 0,43m; 02 ghế tựa bằng gỗ, ngang 0,57m, dài 0,62m, cao 0,85m (Ghế ngồi có nệm mút kèm theo)	1	Bộ				
4	Bàn làm việc bằng gỗ gỗ đỏ thiếu 4 học bàn, dài 1,4m, rộng 0,7m, cao 0,75m	1	Cái				
5	Bàn làm việc bằng gỗ loại gỗ thường, mặt ván ép, ngang 0,62m, dài 1,21m, cao 0,76m	1	Cái				
6	Bàn làm việc bằng gỗ, loại gỗ thường, mặt bàn bằng meka + ván ép, ngang 0,69m, dài 1,4m, cao 0,8m	5	Cái				

7	Bàn làm việc bằng gỗ, loại gỗ thường, mặt bàn bằng meka và ván ép, ngang 0,69m, dài 1,4m, cao 0,8m	6	Cái				
8	Bàn làm việc bằng gỗ, loại gỗ thường, ngang 0,6m, dài 1,2m, cao 0,77m	1	Cái				
9	Bàn làm việc thân bàn bằng gỗ gỗ đỏ, mặt bàn ván ép, dài 1,4m, rộng 0,7m, cao 0,8m	1	Cái				
10	Bàn máy may mặt gỗ, chân sắt, đầu máy dập nút không rõ thông số	1	Cái				
11	Đầu máy dập nút không rõ mã hiệu	2	Cái				
12	Máy dập nút mặt bàn bằng gỗ, thân máy bằng sắt, có đầu máy và động cơ nhưng không rõ thông số kỹ thuật	1	Bộ				
13	Bàn tròn làm bằng gỗ muông + tràm bông vàng, đường kính mặt 1,2m, cao 0,77m, bốn chân trụ bằng gỗ	1	Cái				

14	Bảng khung bằng nhôm, mặt meeka dài 1,2m, cao 0,8m	1	Cái				
15	Bình khí nén chữa cháy	1	Bình				
16	Bộ tập thể dục có nệm mút, khung bằng sắt	1	Cái				
17	Bộ tập thể dục, mất phần nệm mút chỉ còn khung bằng sắt	1	Cái				
18	Chân máy may bằng gang hiệu PFAFF	2	Cái				
19	Chân máy may bằng sắt có bàn đạp	3	Cái				
20	CPU máy vi tính	5	Cái				
21	Màn hình máy vi tính: gồm 4 màn hình hiệu DELL, 01 màn hình hiệu BenQ	5	Cái				
22	Đầu máy may , số seri C06539	1	Cái				

23	Đầu máy may hiệu BROTHER INDUSTRIES DB2-B737-305, H6511504	1	Cái				
24	Đầu máy may hiệu Brother ZZ3- B861, No 119031, có bảng điều khiển số trên máy	1	Cái				
25	Đầu máy may hiệu JUKI LZ- 583	1	Cái				
26	Đầu máy may hiệu Shanggong GK0058	1	Cái				
27	Đầu máy may hiệu SHIH MING SM-1413P	1	Cái				
28	Đầu máy may hiệu SHIRUBA, W122-356, No 0177 159P (không có thân máy)	1	Cái				
29	Đầu máy may hiệu SHURIBA, W12356, seri 4136515Y (không có thân máy)	1	Cái				
30	Đầu máy may không có thông số	1	Cái				
31	Điện thoại bàn hiệu Panasonic	4	Cái				

32	Động cơ TYP DNK 134/2- M3/300 seri TGL 11854 (Không có thân máy)	1	Cái				
33	Ghế dài bằng gỗ gỗ đỏ, ngang 0,36m x 0,37m, cao 0,85m	1	Cái				
34	Ghế dài bằng gỗ, loại gỗ đỏ, mặt ghế có nệm mút, ngang 0,37m, dài 0,41m, cao 0,95m (Có 1 cái ghế đã bị gãy)	8	Cái				
35	Ghế dài bằng sắt, có nệm mút hình tròn, đường kính 0,4m x cao 1,02m	1	Cái				
36	Ghế dài bằng sắt, có nệm mút hình vuông, ngang 0,39m, dài 0,40m, cao 1,06m	2	Cái				
37	Ghế, băng ghế ngồi bằng sắt gồm 2 loại: Ghế dài 1,2m x rộng 0,28m, cao 0,47m (23 cái); ghế ngắn 1m x rộng 0,27m, cao 0,47m (04 cái)	27	Cái				

38	Ghế đai khung ghế bằng inox có nệm mút hình vuông 0,36m x 1m	1	Cái				
39	Ghế loại ghế dựa văn phòng, làm bằng nhựa, gỗ có nệm mút hiệu Hòa Phát	2	Cái				
40	Ghế sofa, ngang 0,76m, dài 1,6m, cao 0,8m	1	Bộ				
41	Hộp bằng gỗ bên trong đựng chìa khóa, dài 0,3m, rộng 0,2m, cao 0,1m	1	Cái				
42	Khung bàn bằng sắt dài 1m, rộng 0,6m, cao 0,75 (Không có mặt bàn)	1	Cái				
43	Khung sắt loại phi 60, có gắn 2 bánh xe, rộng 0,7m, ngang 0,6m, cao 0,4m	1	Cái				
44	Máy (thiết bị) không rõ hiệu SMALL SIZE RECIPRO AIR COMPRESSOR, TOSHIBA TOSCON, số seri 30498122	1	Cái				

45	Máy cắt decanl hiệu Cutting Plotter Type muber JK 721, serial number 2737 ROHS	1	Cái				
46	Máy chạy bộ hiệu SUPRA EXER	1	Cái				
47	Máy ép túi, bàn máy bằng gỗ, thân sắt, động cơ không rõ thông số	1	Bộ				
48	Máy in hiệu HP Laser Jet 3050 Serial No CNCKR 88599	1	Cái				
49	Máy lọc nước nóng lạnh hiệu Alaska, model R9, 1309 WD 3898	1	Cái				
50	Bàn máy may mặt gỗ, chân sắt (không có đầu máy, không có động cơ)	9	Cái				
51	Bàn máy may, mặt ván, có đường ống bằng sắt, mặt bàn lót tấm vải, có gắn động cơ không rõ thông số kỹ thuật (không có đầu máy)	1	Cái				

52	Máy may + động cơ + bàn đạp, trụ khung đế bằng gang, hiệu máy Union Special, số máy 1591596, đầu máy 35800DR, động cơ TYPE 23622	1	Bộ				
53	Máy may + động cơ, hiệu máy Brother DT6-B925, động cơ GEMSY, model RM1818-1, mặt bàn bằng gỗ, chân sắt	1	Bộ				
54	Máy may bàn gỗ, thân sắt + động cơ, đầu máy may hiệu Siruba W122A-356, model C007J, động cơ hiệu Siruba No 050903	1	Bộ				
55	Máy may chân bằng sắt, mặt gỗ có đầu máy hiệu Siruba, động cơ W122356, model F0079, động cơ hiệu CLUTCH Motor No 050589	1	Bộ				
56	Máy may chân sắt, mặt gỗ, đầu máy hiệu Siruba, gắn động cơ MD 806A, seri D2-0104001, No L818-M1	1	Bộ				

57	Máy may chân sắt, mặt gỗ, đầu máy may KAULIN MFG L818F-M1, hiệu máy Siruba, động cơ không rõ thông số	1	Bộ				
58	Máy may hiệu KanSai Special, chân trụ máy may làm bằng gang, có mặt bàn gỗ, có gắn moto hiệu CLUTCH, Type CB-402E, đầu máy may C12403	1	Bộ				
59	Máy may mặt bàn gỗ, chân sắt, đầu máy may loại mini hiệu MANCON, động cơ TTM, model DOL 12	1	Bộ				
60	Máy may mặt bàn gỗ, thân sắt đầu máy hiệu Brother, động cơ TESTED AND APPROVED KS-A seri 6202	1	Bộ				
61	Máy may mặt bàn gỗ, thân sắt, đầu máy hiệu JUKI J110M, động cơ PANA-Stop model 1J402-M, seri 07850254	1	Bộ				

62	Máy may mặt gỗ thân sắt gắn động cơ Siruba T322HY, No 050657 (không có đầu máy)	1	Bộ				
63	Máy may mặt gỗ, chân sắt gắn động cơ CLUTCH MOTOR, model DOL-22, No 103721 (không có đầu máy may)	1	Bộ				
64	Máy may mặt gỗ, chân sắt, động cơ không rõ mã hiệu, thông số (không có đầu máy)	2	Bộ				
65	Máy may mặt gỗ, thân sắt gắn động cơ hiệu ISM CLUTCH MOTER, model NS-314, No C6A115317 (Không có đầu máy may)	1	Bộ				
66	Máy may mặt gỗ, thân sắt, động cơ hiệu VARIO STOP	1	Bộ				
67	Máy may mặt gỗ, thân sắt, gắn động cơ hiệu LECO (Không có đầu máy may)	1	Bộ				

68	Máy may mặt gỗ, thân sắt, gắn động cơ ISM CLUTCH MOTER, model NS212, No 62G009240 (Không có đầu máy may)	1	Bộ				
69	Máy may mặt gỗ, thân sắt, gắn động cơ MITSHUBISHI, No 09020101 (Không đầu máy)	1	Bộ				
70	Máy may, mặt bàn bằng gỗ, thân sắt, đầu máy hiệu TEXIIMA, DDR13345310, động cơ hiệu KanSai, model TS 31231	1	Bộ				
71	Quạt công nghiệp không nhìn rõ thông số kỹ thuật	1	Cái				
72	Sào đồ bằng inox, trên sào có 25 bộ đồ vest đã thành phẩm	25	Cái				
73	Sào treo đồ bằng inox	4	Cái				

74	Thiết bị không rõ tên, có mặt bàn bằng lưới sắt màu xanh, động cơ hiệu Xinhua, có công tắc ON, OFF, model SJ1400, No 540	1	Cái				
75	Tủ bằng gỗ loại gỗ đỏ rộng 0,4m, ngang 1m, cao 1,6m, 2 cửa không khóa, không niêm phong	1	Cái				
76	Tủ kệ làm bằng gỗ gỗ đỏ, có ngăn, chiều dài tủ 1,8m, rộng 0,37m, cao 1,09m, lưng tủ gỗ bị mục nát,	1	Cái				
77	Tủ bằng sắt loại 10 hộc, ngang 0,42m, dài 0,95m, cao 1,79m, tủ không khóa, không niêm phong	1	Cái				
78	Tủ két sắt ngang 0,6m, dài 0,76m, cao 1,82m	1	Cái				

79	Tủ sắt có 07 ngăn kéo ở giữa, hai bên cánh có khóa số, không niêm phong chỉ dán bằng keo lên khóa số, ngang 0,45m, dài 1,85m, cao 0,88m	3	Cái				
80	Tủ sắt có đựng hồ sơ, mặt kính kéo trượt, có niêm phong, ngang 0,45m, dài 1,18m, cao 0,88m	3	Cái				
81	Tủ sắt loại 2 cánh, không ổ khóa, có niêm phong, ngang 0,42m, dài 0,9m, cao 1,86m (Có 1 tủ chân bị gãy)	5	Cái				
XXXI	THÙNG GIẤY						
1	Thùng giấy	19.0	Kg			1	Thùng
2	Thùng giấy (Bên trong có giấy thô)	22.0	Kg			1	Thùng

II. Tài sản bên trong phòng làm việc của bà Nguyễn Thị Cúc – người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Dệt Long An

1. Tài sản bên trong phòng làm việc

- 1.1. 02 bộ máy lạnh Nagakawa loại 01hp;
- 1.2. 01 Tủ lạnh Sanyo, số máy 6MG-06472, loại 21kg;
- 1.3. 01 Máy nước nóng lạnh hiệu Sukara, model SU-5X33R;
- 1.4. 01 bộ máy xay đa năng hiệu Khaluck, chưa qua sử dụng còn đóng gói nguyên thùng;
- 1.5. 01 bàn gỗ mặt ván ép loại 5 hộc, kích thước 0.62m x 1.22m x 0.76m;
- 1.6. 01 kệ gỗ bằng ván ép, kích thước 0.45m x 1.50m x 0.65m;

- 1.7. 01 bộ máy vi tính: 01 Màn hình hiệu Compas Q2009 + 01 CPU;
- 1.8. 01 máy in hiệu HP-MI212NF MFP;
- 1.9. 01 máy in màu HP Color Laser Jet 2600N;
- 1.10. 01 Tủ gỗ ván ép có 03 hộc, kích thước 0.45m x 0.6m x 0.65m;
- 1.11. 03 cái ghế gỗ (loại ghế tựa lưng), kích thước 0.38m x 0.37m x 0.96m;
- 1.12. 01 bàn làm việc mặt gỗ + kính, kích thước 1.02m x 0.76m x 2.53m;
- 1.13. 01 Ghế làm việc bằng gỗ + nệm có 04 bánh xe, kích thước 0.67m x 0.70m x 1.15m;
- 1.14. 01 ti vi hiệu Samsung 33inch, kích thước 0.80m x 0.51m, model LA32R7 1BAXXSV;
- 1.15. 01 Tivi Samsung 43inch, kích thước 1.06m x 0.67m, model PS42B430P2XXV;
- 1.16. 01 bộ ghế salon bằng gỗ gồm 01 bàn gỗ 04 chân có kích thước 1.20m x 1.20m; 04 ghế đơn có kích thước 0.85m x 0.65m x 1.17m; 01 ghế lớn dài 2.05m x 0.70m x 1.17m; 04 ghế đôn có kích thước 0.48m x 0.48m x 0.47m;
- 17. 01 cây vải màu đen trọng lượng 10.5kg.

2. Tài sản bên trong phòng nghỉ (ngủ)

- 2.1. 01 Tủ bằng gỗ ván ép loại 4 cánh, 2 hộc, kích thước 2m x 0.56m x 2m;
- 2.2. 01 bàn gỗ loại 4 hộc, kích thước 1.10m x 0.55m x 0.77m;
- 2.3. 02 ghế gỗ 4 chân loại có tựa lưng, kích thước 0.38m x 0.40m x 1m (có 01 cái mặt ghế bằng gỗ + nệm);
- 2.4. 01 giường ngủ ván ép, kích thước 2.2m x 1.31m x 1.04m (trên giường có 1 tấm nệm đã hư hỏng);
- 2.5. 01 Tủ gỗ đựng đồ trang sức bằng ván ép, kích thước 0.62m x 0.33m x 1m;
- 2.6. 01 lò nướng hiệu HELIOS, model HMO-Y20;
- 2.7. 01 quạt máy chân đứng hiệu Lifan;
- 2.8. 01 bộ máy lạnh hiệu Nagakawa loại 1hp.

3. Tài sản bên trong phòng thờ

- 3.1. 01 cái giường bằng sắt, kích thước 2.02m x 1.03m x 1m;
- 3.2. 01 bàn gỗ, kích thước 0.50m x 0.38m x 0.72m, chân có 4 bánh xe;
- 3.3. 01 tủ gỗ bằng ván ép loại 2 cánh, kích thước 0.88m x 0.40m x 1.85m;

3.4. 01 tủ gỗ bằng ván ép loại 2 cánh, kích thước 0.88m x 0.40m x 1.80m;

3.5. 01 quạt máy chân đứng hiệu Akifan;

3.6. 01 bộ máy lạnh hiệu Nagakawa 1hp.

III. Sân, đường nội bộ

Sân, đường nội bộ trên quyền sử dụng đất thửa số 1, TĐĐ số 10-4, tọa lạc tại ấp 6, xã Nhị Thành, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An của Công ty TNHH SX ĐT Phúc Thịnh:

1. Sân bê tông (lớp bê tông trên sân) có tổng diện tích là 465 m² ;

2. Đường bê tông (lớp bê tông trên đường) có tổng diện tích là 2019 m² ;

3. Đường nhựa (lớp nhựa đường) có tổng diện tích là 1819m² ;

IV. Tài sản khác: 01 máy bắt nhíp Tolo (Todo) và 01 lò hơi Takumax TM200./.

PHỤ LỤC 2

(Ban hành kèm theo thông báo số 1266/THADS ngày 06/3/2026 của Chấp hành viên THADS tỉnh Tây Ninh về việc lựa chọn tổ chức thẩm định giá tài sản)

1. Tài sản gửi giữ tại kho của Công ty TNHH SX-ĐT Phúc Thịnh

I	Cuộn chỉ	Chỉ		Cuộn lõi nhôm			
		168.40	Kg	372	Cuộn	241.80	Kg
1	Cuộn chỉ	23.5	Kg	27	Cuộn	18	Kg
2	Cuộn chỉ	23.5	Kg	27	Cuộn	18	Kg
3	Cuộn chỉ	23.5	Kg	27	Cuộn	18	Kg
4	Cuộn chỉ	23.5	Kg	27	Cuộn	18	Kg
5	Cuộn chỉ	8.0	Kg	27	Cuộn	18	Kg
6	Cuộn chỉ	0.5	Kg	27	Cuộn	18	Kg
7	Cuộn chỉ	16.0	Kg	27	Cuộn	18	Kg
8	Cuộn chỉ	23.5	Kg	27	Cuộn	18	Kg
9	Cuộn chỉ	24.0	Kg	27	Cuộn	18	Kg
10	Cuộn chỉ	0.5	Kg	27	Cuộn	18	Kg
11	Cuộn chỉ	0.5	Kg	27	Cuộn	18	Kg
12	Cuộn chỉ	0.5	Kg	27	Cuộn	18	Kg
13	Cuộn chỉ	0.5	Kg	27	Cuộn	18	Kg
14	Cuộn chỉ	0.4	Kg	21	Cuộn	14	Kg
II	VẢI THÔ (Mộc)						
1	Vải thô (Mộc)	94.6	Kg	3	Cây		
2	Vải thô (Mộc)	101.3	Kg	3	Cây		
3	Vải thô (Mộc)	65.1	Kg	3	Cây		
4	Vải thô (Mộc)	104.3	Kg	3	Cây		
5	Vải thô (Mộc)	87.5	Kg	3	Cây		
6	Vải thô (Mộc)	79.0	Kg	3	Cây		
7	Vải thô (Mộc)	84.5	Kg	3	Cây		
8	Vải thô (Mộc)	72.8	Kg	3	Cây		
9	Vải thô (Mộc)	98.1	Kg	3	Cây		
10	Vải thô (Mộc)	94.3	Kg	3	Cây		
11	Vải thô (Mộc)	62.7	Kg	3	Cây		
12	Vải thô (Mộc)	84.4	Kg	3	Cây		
13	Vải thô (Mộc)	96.6	Kg	3	Cây		
14	Vải thô (Mộc)	87.4	Kg	3	Cây		
15	Vải thô (Mộc)	116.1	Kg	3	Cây		
16	Vải thô (Mộc)	73.7	Kg	3	Cây		
17	Vải thô (Mộc)	97.1	Kg	3	Cây		
18	Vải thô (Mộc)	113.6	Kg	3	Cây		
19	Vải thô (Mộc)	119.7	Kg	3	Cây		



20	Vải thô (Mộc)	98.0	Kg	3	Cây		
21	Vải thô (Mộc)	109.0	Kg	3	Cây		
22	Vải thô (Mộc)	118.7	Kg	3	Cây		
23	Vải thô (Mộc)	115.1	Kg	3	Cây		
24	Vải thô (Mộc)	99.9	Kg	3	Cây		
25	Vải thô (Mộc)	80.5	Kg	3	Cây		
26	Vải thô (Mộc)	94.2	Kg	3	Cây		
27	Vải thô (Mộc)	109.2	Kg	3	Cây		
28	Vải thô (Mộc)	48.0	Kg	3	Cây		
29	Vải thô (Mộc)	91.6	Kg	3	Cây		
30	Vải thô (Mộc)	96.6	Kg	3	Cây		
31	Vải thô (Mộc)	84.7	Kg	3	Cây		
32	Vải thô (Mộc)	70.6	Kg	3	Cây		
33	Vải thô (Mộc)	111.4	Kg	3	Cây		
34	Vải thô (Mộc)	102.1	Kg	3	Cây		
35	Vải thô (Mộc)	102.7	Kg	3	Cây		
36	Vải thô (Mộc)	65.2	Kg	3	Cây		
37	Vải thô (Mộc)	105.2	Kg	3	Cây		
38	Vải thô (Mộc)	73.5	Kg	3	Cây		
39	Vải thô (Mộc)	93.6	Kg	3	Cây		
40	Vải thô (Mộc)	79.1	Kg	3	Cây		
41	Vải thô (Mộc)	118.2	Kg	3	Cây		
42	Vải thô (Mộc)	77.6	Kg	3	Cây		
43	Vải thô (Mộc)	98.7	Kg	3	Cây		
44	Vải thô (Mộc)	81.2	Kg	3	Cây		
45	Vải thô (Mộc)	90.2	Kg	3	Cây		
46	Vải thô (Mộc)	52.9	Kg	3	Cây		
47	Vải thô (Mộc)	98.2	Kg	3	Cây		
48	Vải thô (Mộc)	77.1	Kg	3	Cây		
49	Vải thô (Mộc)	60.2	Kg	3	Cây		
50	Vải thô (Mộc)	94.2	Kg	3	Cây		
51	Vải thô (Mộc)	92.5	Kg	3	Cây		
52	Vải thô (Mộc)	72.1	Kg	3	Cây		
53	Vải thô (Mộc)	100.7	Kg	3	Cây		
54	Vải thô (Mộc)	99.7	Kg	3	Cây		
55	Vải thô (Mộc)	100.5	Kg	3	Cây		
56	Vải thô (Mộc)	108.6	Kg	3	Cây		
57	Vải thô (Mộc)	113.7	Kg	3	Cây		
58	Vải thô (Mộc)	110.9	Kg	3	Cây		
59	Vải thô (Mộc)	104.4	Kg	3	Cây		
60	Vải thô (Mộc)	107.9	Kg	3	Cây		

61	Vải thô (Mộc)	105.4	Kg	3	Cây		
62	Vải thô (Mộc)	108.7	Kg	3	Cây		
63	Vải thô (Mộc)	86.5	Kg	3	Cây		
64	Vải thô (Mộc)	85.4	Kg	3	Cây		
65	Vải thô (Mộc)	98.4	Kg	3	Cây		
66	Vải thô (Mộc)	75.6	Kg	3	Cây		
67	Vải thô (Mộc)	90.9	Kg	3	Cây		
68	Vải thô (Mộc)	84.4	Kg	3	Cây		
69	Vải thô (Mộc)	88.7	Kg	3	Cây		
70	Vải thô (Mộc)	101.7	Kg	3	Cây		
71	Vải thô (Mộc)	101.5	Kg	3	Cây		
72	Vải thô (Mộc)	100.9	Kg	3	Cây		
III	VẢI CHƯA THÀNH PHẨM						
1	Vải chưa thành phẩm	23.3	Kg	5	Cây		
2	Vải chưa thành phẩm	85.2	Kg	5	Cây		
3	Vải chưa thành phẩm	94.8	Kg	5	Cây		
4	Vải chưa thành phẩm	84.7	Kg	5	Cây		
5	Vải chưa thành phẩm	36.1	Kg	5	Cây		
6	Vải chưa thành phẩm	33.6	Kg	5	Cây		
7	Vải chưa thành phẩm	75.5	Kg	5	Cây		
8	Vải chưa thành phẩm	85.9	Kg	5	Cây		
9	Vải chưa thành phẩm	111.2	Kg	5	Cây		
10	Vải chưa thành phẩm	45.0	Kg	5	Cây		
11	Vải chưa thành phẩm	76.4	Kg	5	Cây		
12	Vải chưa thành phẩm	43.7	Kg	5	Cây		
13	Vải chưa thành phẩm	34.2	Kg	5	Cây		
14	Vải chưa thành phẩm	49.1	Kg	5	Cây		

15	Vải chưa thành phẩm	41.9	Kg	5	Cây		
16	Vải chưa thành phẩm	48.2	Kg	5	Cây		
17	Vải chưa thành phẩm	45.0	Kg	5	Cây		
18	Vải chưa thành phẩm	15.8	Kg	5	Cây		
19	Vải chưa thành phẩm	26.8	Kg	5	Cây		
20	Vải chưa thành phẩm	22.8	Kg	5	Cây		
21	Vải chưa thành phẩm	18.8	Kg	5	Cây		
22	Vải chưa thành phẩm	32.0	Kg	5	Cây		
23	Vải chưa thành phẩm	15.9	Kg	5	Cây		
24	Vải chưa thành phẩm	31.9	Kg	5	Cây		
25	Vải chưa thành phẩm	31.6	Kg	5	Cây		
26	Vải chưa thành phẩm	22.2	Kg	5	Cây		
27	Vải chưa thành phẩm	88.8	Kg	5	Cây		
28	Vải chưa thành phẩm	74.9	Kg	5	Cây		
29	Vải chưa thành phẩm	101.8	Kg	5	Cây		
30	Vải chưa thành phẩm	75.7	Kg	5	Cây		
31	Vải chưa thành phẩm	71.9	Kg	5	Cây		
32	Vải chưa thành phẩm	103.2	Kg	5	Cây		
33	Vải chưa thành phẩm	71.3	Kg	5	Cây		
34	Vải chưa thành phẩm	38.8	Kg	2	Cây		
35	Vải chưa thành phẩm	46.9	Kg	3	Cây		

36	Vải chưa thành phẩm	35.8	Kg	2	Cây	
IV	BA - GHÉT NHỰA (Pallet)	106	Cái			
V	BAO GIẤY TỜ					
1	Bao giấy tờ	40.8	Kg	1	Bao	
2	Bao giấy tờ	32.2	Kg	1	Bao	
3	Bao giấy tờ	32.0	Kg	1	Bao	
4	Bao giấy tờ	29.6	Kg	1	Bao	
5	Bao giấy tờ	33.5	Kg	1	Bao	
6	Bao giấy tờ	30.1	Kg	1	Bao	
VI	BAO VẢI					
1	Bao vải	47,3	Kg	1	Bao	
2	Bao vải	49.8	Kg	1	Bao	
3	Bao vải	29.2	Kg	1	Bao	
4	Bao vải	26.6	Kg	1	Bao	
5	Bao vải	12,5	Kg	1	Bao	
VII	BAO VẢI ĐEN					
1	Bao vải đen	41.6	Kg	1	Bao	
2	Bao vải đen	37.3	Kg	2	Bao	
VIII	GIẤY VỤN					
1	Giấy vụn	12.1	Kg			
2	Giấy vụn	21.0	Kg			
3	Giấy vụn	14.0	Kg			
X	VẢI MÀU CÁC LOẠI					
1	Vải màu các loại	71.6	Kg	3	Cây	
2	Vải màu các loại	72.4	Kg	3	Cây	
3	Vải màu các loại	34.9	Kg	3	Cây	
4	Vải màu các loại	32.9	Kg	3	Cây	
5	Vải màu các loại	20.2	Kg	3	Cây	
6	Vải màu các loại	23.2	Kg	3	Cây	
7	Vải màu các loại	24.0	Kg	3	Cây	
8	Vải màu các loại	20.8	Kg	3	Cây	

9	Vải màu các loại	55.1	Kg	3	Cây	
10	Vải màu các loại	64.3	Kg	3	Cây	
11	Vải màu các loại	68.8	Kg	3	Cây	
12	Vải màu các loại	70.3	Kg	3	Cây	
13	Vải màu các loại	60.6	Kg	3	Cây	
14	Vải màu các loại	61.6	Kg	3	Cây	
15	Vải màu các loại	59.9	Kg	3	Cây	
16	Vải màu các loại	35.5	Kg	3	Cây	
17	Vải màu các loại	28.5	Kg	3	Cây	
18	Vải màu các loại	34.2	Kg	3	Cây	
19	Vải màu các loại	39.0	Kg	3	Cây	
20	Vải màu các loại	50.5	Kg	3	Cây	
21	Vải màu các loại	23.6	Kg	3	Cây	
22	Vải màu các loại	42.0	Kg	3	Cây	
23	Vải màu các loại	40.6	Kg	3	Cây	
24	Vải màu các loại	29.6	Kg	3	Cây	
25	Vải màu các loại	76.1	Kg	3	Cây	
26	Vải màu các loại	65.1	Kg	3	Cây	
27	Vải màu các loại	85.8	Kg	3	Cây	
28	Vải màu các loại	45.4	Kg	3	Cây	
29	Vải màu các loại	61.8	Kg	3	Cây	

30	Vải màu các loại	34.1	Kg	3	Cây	
31	Vải màu các loại	37.3	Kg	3	Cây	
32	Vải màu các loại	46.2	Kg	3	Cây	
33	Vải màu các loại	16.0	Kg	3	Cây	
34	Vải màu các loại	18.5	Kg	3	Cây	
35	Vải màu các loại	15.4	Kg	3	Cây	
36	Vải màu các loại	16.7	Kg	3	Cây	
37	Vải màu các loại	32.0	Kg	3	Cây	
38	Vải màu các loại	11.7	Kg	3	Cây	
39	Vải màu các loại	8.4	Kg	3	Cây	
40	Vải màu các loại	19.1	Kg	3	Cây	
41	Vải màu các loại	21.9	Kg	3	Cây	
42	Vải màu các loại	4.1	Kg	3	Cây	
43	Vải màu các loại	20.0	Kg	3	Cây	
44	Vải màu các loại	4.9	Kg	3	Cây	
45	Vải màu các loại	1.1	Kg	1	Cây	
XI	CUỘN NHỰA					
1	Cuộn nhựa	61.6	Kg	3	Cuộn	
2	Cuộn nhựa	54.2	Kg	3	Cuộn	
3	Cuộn nhựa	38.2	Kg	3	Cuộn	
4	Cuộn nhựa	34.4	Kg	3	Cuộn	
5	Cuộn nhựa	20.5	Kg	1	Cuộn	
XII	VẢI KHÚC+VẢI VỤN					
1	Vải khúc+ Vải vụn	28.7	Kg	3	Bao	

2	Vải khúc+ Vải vụn	39.1	Kg	3	Bao	
3	Vải khúc+ Vải vụn	28.5	Kg	3	Bao	
4	Vải khúc+ Vải vụn	34.6	Kg	3	Bao	
5	Vải khúc+ Vải vụn	35.0	Kg	3	Bao	
6	Vải khúc+ Vải vụn	20.8	Kg	3	Bao	
7	Vải khúc+ Vải vụn	22.3	Kg	3	Bao	
8	Vải khúc+ Vải vụn	21.2	Kg	3	Bao	
9	Vải khúc+ Vải vụn	11.5	Kg	3	Bao	
10	Vải khúc+ Vải vụn	21.7	Kg	3	Túi	
11	Vải khúc+ Vải vụn	19.4	Kg	3	Túi	
12	Vải vụn	14.9	Kg	1	Bao	
XIII VẢI CUỘN						
1	Vải cuộn	42.0	Kg	3	Túi	
2	Vải cuộn	73.4	Kg	3	Túi	
3	Vải cuộn	47.1	Kg	3	Túi	
4	Vải cuộn	24.8	Kg		Túi	
XIV VẢI KHÚC						
1	Vải khúc	39.9	Kg			
XX ỐNG CHỈ						
1	Ống chỉ	14.7	Kg			
XXI TEM NHÃN BẰNG GIẤY						
1	Tem nhãn bằng giấy	28.0	Kg			
2	Tem nhãn bằng giấy	22.9	Kg			
3	Tem nhãn bằng giấy	23.6	Kg			
4	Tem nhãn bằng giấy	21.9	Kg			
XXII VẢI MẪU						
1	Vải mẫu	21.3	Kg	1	Thùng	
2	Vải mẫu	32.8	Kg	1	Thùng	

XXIII	ÁO THUN					
1	Áo thun	13.6	Kg			
XXIV	BAO NHỰA					
1	Bao nhựa	10.8	Kg	3	Bao	
XXV	TẮM BẠC NHỰA					
1	Tắm bạc nhựa	14.3	Kg	3	Tắm	
XXVI	BAO CHỈ CUỘN					
1	Bao chỉ cuộn	20.4	Kg	12	Cuộn	
2	Bao chỉ cuộn	15.1	Kg	10	Cuộn	
XXVII	TÀI SẢN KHÁC					
1	Thiết bị bằng kim loại không rỉ, trên máy có ghi 750W, số seri 80Z31460	1	Cái			
2	Âm ly model HDR-16MS/LAN/IE/C DRW seri 230VPH 16MS 790021	1	Cái			
3	Bàn dài làm bằng gỗ thường, ngang 1.17m, dài 2,4m, cao 0,77m	1	Cái			
4	Bàn nhựa kích thước 0,43m x 0,64m, cao 0,5m bằng nhựa màu đỏ	1	Cái			
5	Bàn tròn chân Inox cao 0,76m, mặt kính tròn đường kính 1m	1	Bộ			



6	Bàn làm việc 2 hộc loại gỗ đỏ, ngang 0,7m, dài 1,32m, cao 0,75m	1	Cái			
7	Bàn làm việc 2 hộc, làm bằng gỗ đỏ, mặt bàn bằng ván ép, ngang 0,63m, dài 1,22m, cao 0,76m (không có 2 hộc bàn)	1	Cái			
8	Bàn làm việc 2 tầng, thân làm bằng gỗ đỏ, mặt bàn ván ép, ngang 0,7m, dài 1,2m, cao 0,84m	1	Cái			
9	Bàn làm việc bằng gỗ loại gỗ đỏ, hộc bàn có dán niêm phong, ngang 0,9m, dài 1,82m, cao 0,84m	1	Cái			
10	Bàn làm việc bằng gỗ loại gỗ đỏ, không có hộc bàn, cao 0,8m, ngang 0,8m, dài 1,6m	1	Cái			

11	Bàn làm việc bằng gỗ loại gỗ đỏ, ngang 0,57m, dài 1,18m. Cao 0,76m (không có 1 hộc bàn)	1	Cái			
12	Bàn làm việc bằng ván ép màu xám đã mục hư hỏng phần chân, ngang 1,2m, rộng 0,58m	1	Cái			
13	Bàn 2 hộc, thân bàn gỗ đỏ, mặt ván ép, dài 1,4m cao 0,8m	1	Cái			
14	Bàn gỗ ván ép, đã bị gãy chân, dài 1,2mx0,58m, cao 0,8m	1	Cái			
15	Bàn hội trường loại nhỏ, thân làm bằng gỗ thường, mặt ván ép, ngang 0,37m x 1,2m, cao 0,74m (Mặt ván ép đã bị hỏng)	2	Cái			
16	Bàn hội trường loại nhỏ bằng gỗ đỏ, ngang 0,37m, ngang 1,2m, cao 0,74m	1	Cái			



17	Bàn tròn mặt đá, đường kính 1,1m gồm 2 bộ chân suôn, 02 bộ chân tiện, tất cả đều làm bằng gỗ thường	4	Cái			
18	Bao nhựa số lượng 01 bao đựng vật dụng màu hồng (nằm trong biên bản tạm gửi tài sản ngày 22/3/12017) cân nặng 9.6kg	1	Bao			
19	Bình chữa cháy gồm 5 bình: 02 bình màu sơn bạc loại 6kg, 02 bình màu sơn đỏ loại 8kg(60.6Kg); 01 bình sơn màu đỏ lớn không rõ trọng lượng (65.3KG)	5	Bình			
20	Bình hoa bằng sứ cao 0,55m, đường kính miệng 0,17m	1	Bình			
21	Bình nhựa giữ nhiệt màu đỏ cao 1.46m, đường kính 0,37m	1	Bình			

22	Bình xịt bằng nhựa màu vàng loại 10 lít	1	Bình			
23	Bộ máy vi tính: Màn hình SamSung, thùng máy Delux	1	Cái			
24	Cân bàn điện tử 30kg, hiệu MyWeigh-USA, model PD-750, seri 628785	1	Cái			
25	Cân điện tử 100g, không rõ model và seri	1	Cái			
26	Cân đồng hồ lò so, loại 05kg và 02kg, cả 2 đều có giá cân	2	Cái			
27	Chảo nhôm đường kính 0,31m nặng 0.2Kg	1	Cái			
28	Chảo nhôm đường kính 0,55m (2 cái nặng 3.5kg)	2	Cái			
29	Cục lạnh hiệu Sharp, model AH-A92EW, seri 010599	1	Cái			
30	Đồng hồ đo điện hiệu Samwa model VX-960TR, seri CM2315	1	Cái			

31	Ghế bộ vải, khung sắt hiệu Cửu Long	3	Cái			
32	Ghế đai gỗ (lùn) loại gỗ hương, cao 0,8m, ngang 0,4m, rộng 0,47m	20	Cái			
33	Ghế đai gỗ loại gỗ đỏ, cao 0,98m, ngang 0,38m, rộng 0,4m	14	Cái			
34	Ghế đai gỗ, loại gỗ hương, cao 0,82m, ngang 0,38m, rộng 0,38m (Có 01 cái đã bị hư)	4	Cái			
35	Ghế đai gỗ, mặt ghế có nệm, loại gỗ hương, cao 0,94m, ngang 0,36m, rộng 0,42m	1	Cái			
36	Ghế đai gỗ, mặt ghế có nệm, thành ghế có chạm hoa văn, loại gỗ thường, ngang 0,45m, hông 0,43m, cao 0,96m	1	Cái			
37	Ghế đôn gỗ loại gỗ đỏ, dài 0,53m, ngang 0,3m, cao 0,3m	1	Cái			

38	Ghế văn phòng (giám đốc) màu đen làm bằng nhựa và nệm mút	1	Cái			
39	Giá phơi đồ bằng sắt ngang 1,28m, cao 1,59m, phi 21	2	Cái			
40	Giường sắt khung sơn màu vàng, dài 2,06m, ngang 0,79m, cao 1,07m (Mỗi khung 38 Kg)	8	Khung			
41	Kính hiển vi, số hiệu EG-QC-056	1	Cái			
42	Màn hình đã hỏng, số hiệu NR.TY000019, số seri 823827433131 (Màn hình máy vi tính)	1	Cái			
43	Màn hình LG, model 21 FU 4RQ, code 21FU4RQ-T3.ATVVCTV (Tivi)	1	Cái			
44	Màn hình máy tính Darling model CTV-14K-11A (Tivi)	1	Cái			
45	Màn hình máy tính Gate Way, model VX 1120	1	Cái			

46	Màn hình máy tính model 462M, seri PX-458	1	Cái			
47	Màn hình máy tính Packard Bell model PB 8538SVE	1	Cái			
48	Màn hình máy tính Philip model I05E19	1	Cái			
49	Màn hình máy tính TriGem model SM483C, seri 5A500104	1	Cái			
50	Máy cắt cỏ hiệu ISKKY	1	Cái			
51	Máy lọc nước Sanaky, model VH-42HY	1	Cái			
52	Máy may hiệu Juki, model MO-2366N, seri MOOWJ48684	1	Cái			
53	Máy may Siruba, số hiệu 747F-514M2-24	1	Cái			
54	Máy photo hiệu Toshiba, model KD-1010, seri CHF260766	1	Cái			
55	Nồi cơm điện đã hư	2	Cái			
56	Ống chỉ nhỏ	1	Bao			

57	Quạt máy đứng hiệu Bifan (1 cái bị gãy)	2	Cái			
58	Quạt máy đứng hiệu Senko	1	Cái			
59	Tấm kính thủy dài 1,8m, rộng 1,02m, dày 05 ly	2	Tấm			
60	Thang bằng nhôm loại thang rút dài 05m	1	Cái			
61	Thiết bị đồ thị màu, số seri 4DA3093004, Item 346020	1	Cái			
62	Thiết bị không rõ, hiệu Avison, model AV660PC, seri 50600005C660	1	Cái			
63	Thiết bị không rõ, hiệu EPSON, model FX-1170	1	Cái			
64	Thiết bị không rõ, hiệu FE1 YUE, seri 20070109027 (Kim loại cân nặng 27kg)	1	Cái			
65	Thiết bị không rõ, hiệu Hanna, model S417642, seri 08119735	1	Cái			

66	Thiết bị không rõ, hiệu OL-380 (Máy rửa xe mini)	1	Cái			
67	Trang thờ gỗ cao 1,15m, ngang 0,8m x 0,68m, gỗ thường	1	Cái			
68	Tủ bằng Inox cao 1,2m, ngang 0,63 x 0,5m (Tủ hấp công nghiệp đa năng)	1	Cái			
69	Tủ gỗ + 1 mặt kính thủy, loại gỗ đỏ, ngang 1,2m, cao 1,9m x 0,52m	1	Cái			
70	Tủ gỗ + kính loại gỗ đỏ, cao 2,2m, dài 1,8m, rộng 0,52m	1	Cái			
71	Tủ gỗ loại gỗ đỏ, hông 0,54m, ngang 1,25m, cao 1,95m, 01 cánh tủ không có kính	1	Cái			
72	Tủ kính + gỗ, loại gỗ thường, hông 0,77m, ngang 1,4m, cao 1,58m, mặt trước và sau không gắn kính	1	Cái			

73	Tủ kính + ván ép, cao 1,8m, ngang 0,8m x 0,42m, tình trạng đã hư, có dán niêm phong	1	Cái			
74	Tủ kính + ván ép, cao 1,9m, ngang 1,2m x 0,42m, tình trạng đã hư, có dán niêm phong	1	Cái			
75	Tủ sắt cao 0,88m, ngang 0,4m, dài 1,19m (có niêm phong)	1	Cái			
76	Tủ sắt có mặt kính, cao 0,88m, ngang 0,4m, dài 1,19m	1	Cái			
77	Tủ sắt hai cánh có niêm phong, hông 0,47m, ngang 0,9m, cao 1,9m	1	Cái			
78	Tủ sắt hai cánh, hông 0,6m, ngang 0,9m, cao 2,07m	1	Cái			
79	Tủ sắt loại 10 hộc kéo, ngang 0,88m, cao 1,6m, hông 0,42m	1	Cái			

80	Tủ sắt mini, cao 0,32m, ngang 0,58m, rộng 0,53m	1	Cái			
81	Vải mẫu móc trên sào (Giá treo nặng 6kg, vải nặng 44Kg)	95	Mẫu			
82	Xà beng sắt dài 1,06m, phi 16 (Nặng 2.2kg)	1	Cái			
83	Xà beng sắt dài 1,37m, phi 18 (Nặng 5Kg)	1	Cái			
84	Xe kéo vải (7 chiếc Khung sắt + Inox dài 1,50m x 1,50m, cao 0,75; 04 chiếc khung sắt + gỗ dài 1,50m x 1x50m, cao 0,85m)	11	Chiếc			
85	Xe nâng tay	1	Chiếc			
86	Xoong nhôm có nắp nặng 1.2kg	1	Cái			

87	Thùng sơn nước hiệu 3 Econno + 4 Naixilite + 2 không rõ nhãn hiệu (5 thùng có chất lỏng bên trong, không rõ chất lỏng gì; 4 thùng rỗng không có gì bên trong)	7	Thùng			
88	Can nhựa loại 30L (Mỗi can 0.9kg)	2	Can			
89	Dụng cụ đóng kim loại lớn	7	Cái			
90	Cây dù bằng sắt(chân đế bằng xi măng, nặng 14.4kg, phần dù nhựa có chữ "Tiger"	1	Cây			
91	Một thiết bị không rõ hiệu Yamato bằng kim loại nặng 12.5kg	1	Cái			
92	Sắt vụn (33.90kg bao gồm sắt và khay)	33.9	Kg	1	Khay	
93	Vật nhựa phế liệu (đựng trong bao nylon màu đỏ) + 1 ống bằng nhựa	18.9	Kg	1	Bao	



94	Một thiết bị không rõ thông số kỹ thuật, công dụng hiệu INVT Model VT070-NOCN	1	Cái			
95	Điện thoại bàn hiệu Panasonic màu đỏ	1	Cái			

1.1. Tài sản bên trong thùng giấy niêm phong có mã số 19 (Trọng lượng 85.1kg):

- 04 chuột máy vi tính;
- 02 điện thoại bàn;
- 06 màn hình máy vi tính;
- 06 bàn phím máy vi tính;
- 02 máy in hiệu HP 1020;
- 01 máy in hiệu Samsung SCX-4521F;
- 02 vỏ thùng CPU máy vi tính;
- 01 máy quét (scan) hiệu HP Scanjet G3010;
- 01 quạt hút gió hiệu Senko H200.

1.2. Tài sản bên trong thùng giấy có mã số 18 (Trọng lượng 26kg): 04 thùng CPU máy vi tính.

1.3. Tài sản bên trong thùng giấy có mã số 21 (Trọng lượng 80kg): Giấy vụn (giấy báo các loại).

2. Sân, đường nội bộ

- Sân, đường nội bộ tọa lạc trên quyền sử dụng đất thửa số 58, TĐĐ số 01 của Công ty TNHH Sản xuất và Đầu tư Phúc Thịnh tại địa chỉ tỉnh lộ 832, Ấp 1, xã Nhựt Chánh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An (Xưởng nhuộm của Công ty Cổ phần Dệt Long An trước đây):

- + Đường nhựa (lớp nhựa đường) diện tích 3309m²;
- + Đường đá dăm (lớp đá trên mặt đường) diện tích 240m²;
- + Đường bê tông (lớp bê tông trên mặt đường) diện tích 43m²;

3. Hạng mục công trình xây dựng

- Hạng mục công trình xây dựng tọa lạc trên quyền sử dụng đất thửa số 58, TĐĐ số 01 của Công ty TNHH Sản xuất và Đầu tư Phúc Thịnh tại địa chỉ

tỉnh lộ 832, Ấp 1, xã Nhựt Chánh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An (Xưởng nhuộm của Công ty Cổ phần Dệt Long An trước đây) gồm: 01 căn nhà tiền chế, kết cấu: Móng, cột, đà bằng BTCT; cột, kèo bằng thép; mái tôn thiếc, tường xây cao 01m; nền lát gạch men (16m x 9m); cạnh tiếp giáp đường tỉnh 832 có độ dài 16.3m, cạnh đối diện dài 16.6m, cạnh giáp phòng bảo vệ dài 13.1m, cạnh đối diện dài 13.45m, tổng diện tích 218,37m² (Là hạng mục công trình xây dựng: 01 Nhà kho phế liệu và 01 Nhà để xe 2 bánh Cơ quan Điều tra – VKSND Tối cao yêu cầu xử lý).

4. Hệ thống máy biến áp:

- 01 (một) trụ đơn; 01 (một) trụ ghép PI; Đường dây cáp ngầm từ trụ ghép PI đến nhà trạm; 01 (một) máy biến áp đã qua sử dụng hiệu MBA 350kVA, NSX: AICHI ELECTRIC CO,LTD; 01 (một) máy biến áp đã qua sử dụng hiệu MBA 320kVA, NSX: Cơ điện.

5. Motors bên trong trạm bơm

- 04 cái motors chưa xác định được nhãn hiệu, không còn hoạt động.

6. Cây trồng:

- 03 cây xanh;
- 01 cây me;
- 01 cây phượng./.



